

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI



ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NĂM 2021



Hà Nội, ngày tháng năm 2020

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2021

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường

Tên trường

Trường Đại học Thương mại (tên tiếng Anh: Thuongmai University, tên giao dịch quốc tế viết tắt: TMU) là trường đại học công lập trực thuộc hệ thống giáo dục quốc dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường Đại học Thương mại được thành lập vào năm 1960, tiền thân là Trường Thương nghiệp Trung ương. Năm 1979, Trường được đổi tên thành Trường Đại học Thương nghiệp và từ năm 1994 thành Trường Đại học Thương mại. Năm 1987, Trường bắt đầu làm nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ từ năm 1994.

Tầm nhìn và sứ mạng của Trường

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Thương mại trở thành trường đại học đa ngành có uy tín trong khu vực và trên thế giới; một cơ sở giáo dục có chất lượng và không ngừng được cải tiến với phương pháp đào tạo tiên tiến, liên tục được đổi mới và hoàn thiện; một trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung ứng dịch vụ đào tạo chất lượng cao về kinh tế, kinh doanh và quản lý trong các lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ; một trung tâm văn hoá nhằm cung cấp cho xã hội những cán bộ có trình độ đại học, sau đại học đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, văn hoá và năng lực nghề nghiệp có khả năng thích ứng với điều kiện môi trường đang thay đổi và đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước.

Địa chỉ các trụ sở của Trường

Trường Đại học Thương mại có cơ sở chính tại số 79 Đường Hồ Tùng Mậu, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích hơn 37.000m². Từ năm 2016, Trường phát triển thêm cơ sở Hà Nam, có địa chỉ tại đường Lý Thường Kiệt, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, diện tích 43.690 m².

Địa chỉ cổng thông tin điện tử: <http://www.tmu.edu.vn>

<http://www.saudaihoc.tmu.edu.vn>

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo cho đến thời điểm xây dựng đề án

Số chuyên ngành đào tạo: 5

Tổng số nghiên cứu sinh hiện đang đào tạo: 191

Số đợt tuyển sinh trong năm: 2 đợt/năm vào khoảng tháng 3 và tháng 9 hàng năm

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển hoặc Kết hợp xét tuyển với thi tuyển

Thời gian đào tạo: từ 3-5 năm tùy theo trình độ đầu vào của người học (thạc sĩ/ đại học)

Nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh: trung bình 25-30 đề tài/ năm

TT	Tên chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Quy mô tuyển sinh trung bình hàng năm	Tổng số NCS đang đào tạo
1	Kế toán	9340301	10	40
2	Kinh doanh thương mại	9340121	10	46
3	Quản lý kinh tế	9310110	10	51
4	Quản trị kinh doanh	9340101	10	39
5	Tài chính – Ngân hàng	9340201	10	15
	Tổng		50	191

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Công dân Việt Nam đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017).

Công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017).

2.2. Phương thức tuyển sinh

2.2.1. Xét tuyển

Áp dụng đối với thí sinh là công dân nước ngoài. Trường hợp là công dân Việt Nam, thí sinh phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên, hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập không phải là tiếng Anh; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT) theo quy định tại điểm c.

Các trường hợp quy định tại điểm d phải có thêm chứng chỉ Tiếng Anh B1 khung châu Âu.

Thí sinh đủ điều kiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển phải trình bày báo cáo dự định nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trong thời gian quy định theo thông báo của Hội đồng tuyển sinh.

2.2.2. Kết hợp xét tuyển với thi tuyển

Áp dụng đối với thí sinh là công dân Việt Nam có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài

mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập không phải là tiếng Anh; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT) theo quy định tại điểm c do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Thí sinh không đủ điều kiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển phải trình bày báo cáo dự định nghiên cứu trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh và thi tiếng Anh để đánh giá khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh về chuyên môn trong thời gian quy định theo thông báo của Hội đồng tuyển sinh.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

T T	Tên chuyên ngành	Mã chuyên ngành	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021
1	Kinh doanh thương mại	9340121	15
2	Kế toán	9340301	15
3	Quản lý kinh tế	9310110	15
4	Quản trị kinh doanh	9340101	15
5	Tài chính - Ngân hàng	9340201	15
	Tổng		75

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo

2.4.1. Các hướng nghiên cứu và danh sách nhà khoa học tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh

2.4.1.1. Chuyên ngành Kế toán

Chuyên ngành Kế toán

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Về kế toán tài chính - Nghiên cứu, phát triển các lý thuyết kế toán về nguyên tắc, mô hình kế toán trong các doanh nghiệp. - Nghiên cứu các lý thuyết, việc ứng dụng kế toán môi trường trong doanh nghiệp. - Nghiên cứu hoàn thiện việc vận dụng chuẩn mực kế toán trong các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực, loại hình sản xuất kinh doanh khác nhau có qui mô khác nhau. - Nghiên cứu xây dựng nhằm ban hành các chuẩn mực kế toán mới cho các lĩnh vực, các hoạt động mới phát sinh trong nền kinh tế thị trường theo hướng hội nhập với quốc tế. - Nghiên cứu nhằm đổi mới, hoàn thiện chính sách và chế độ kế toán công. Nghiên cứu hoàn thiện kế toán trong các đơn vị công.	PGS.TS Đỗ Minh Thành; PGS.TS Trần Thị Hồng Mai; TS Nguyễn Tuấn Duy; PGS.TS Đoàn Văn Anh; PGS.TS Lê Thị Thanh Hải; PGS.TS Phạm Đức Hiếu; PGS.TS Nguyễn Phú Giang; TS Nguyễn Việt Tiến; PGS.TS Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS Vũ Mạnh Chiến; PGS.TS Đoàn Xuân Tiên; PGS.TS Ngô Trí Tuệ; TS Nguyễn Thanh Hương; TS Nguyễn Hải Long; PGS.TS Hà Thị Thúy Vân; TS Tạ Quang Bình; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; TS. Nguyễn Thị Thanh Phương;

2	Về kế toán quản trị - Nghiên cứu áp dụng tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thuộc các loại hình sản xuất kinh doanh, sở hữu có qui mô khác nhau theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế. - Nghiên cứu thực hiện kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thuộc các ngành, các lĩnh vực khác nhau theo các yếu tố hay hoạt động như hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí, doanh thu. - Nghiên cứu thực hiện kế toán quản trị phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn, dài hạn của các nhà quản trị doanh nghiệp. - Nghiên cứu hoàn thiện kế toán các hoạt động, yếu tố trong các doanh nghiệp thuộc các loại hình, lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác nhau có qui mô khác nhau theo hướng kết hợp kế toán quản trị và kế toán tài chính.	PGS.TS Đỗ Minh Thành; PGS.TS Trần Thị Hồng Mai; TS Nguyễn Tuấn Duy; PGS.TS Phạm Đức Hiếu; PGS.TS Nguyễn Quang Hùng; TS Nguyễn Viết Tiến; PGS.TS Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS Trương Thị Thủy; PGS.TS Giang Thị Xuyên; TS Nguyễn Hải Long; PGS.TS Hà Thị Thúy Vân; TS Tạ Quang Bình; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; TS. Nguyễn Thị Thanh Phương;
3	Về kiểm toán - Nghiên cứu nội dung, hình thức, qui trình kiểm toán nội bộ trong các đơn vị thuộc các loại hình, lĩnh vực và hoạt động khác nhau. - Nghiên cứu kiểm toán báo cáo tài chính trong các công ty kiểm toán độc lập. Nghiên cứu hoàn thiện chuẩn mực kiểm toán độc lập. - Nghiên cứu kiểm toán hoạt động trong các đơn vị.	PGS.TS Đỗ Minh Thành; PGS.TS Trần Thị Hồng Mai; TS Nguyễn Tuấn Duy; PGS.TS Đoàn Văn Anh; PGS.TS Lê Thị Thanh Hải; PGS.TS Phạm Đức Hiếu; PGS.TS Nguyễn Phú Giang; TS Nguyễn Viết Tiến; PGS.TS Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS Vũ Mạnh Chiến; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Phương; TS Nguyễn Hải Long; PGS.TS Hà Thị Thúy Vân; TS Tạ Quang Bình; TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; TS. Nguyễn Thị Thanh Phương;
4	Về tổ chức công tác kế toán, kiểm toán - Nghiên cứu tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị thuộc các loại hình, lĩnh vực hoạt động và qui mô khác nhau. - Nghiên cứu tổ chức công tác kiểm toán trong các đơn vị.	PGS.TS Đỗ Minh Thành; PGS.TS Trần Thị Hồng Mai; TS Nguyễn Tuấn Duy; PGS.TS Đoàn Văn Anh; PGS.TS Lê Thị Thanh Hải; PGS.TS Phạm Đức Hiếu; PGS.TS Nguyễn Phú Giang; TS Nguyễn Viết Tiến; PGS.TS Phạm Thị Thu Thủy; PGS.TS Giang Thị Xuyên; PGS.TS Nguyễn Thị Đông; TS Nguyễn Hải Long; PGS.TS Hà Thị Thúy Vân; TS Tạ Quang Bình;

2.4.1.2. Chuyên ngành Kinh doanh thương mại

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Phát triển thị trường và kinh doanh thương mại nội địa và quốc tế	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (I); PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T); PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; TS Lục Thu Hường; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng; TS Nguyễn Thông Thái; TS Chu Thị Thuý; TS Nguyễn Thị Tú; PGS.TS Hoàng Văn Thành; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Đàm Gia Mạnh; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS Vũ Xuân Dũng; TS Nguyễn Hoá; PGS.TS An Thị Thanh Nhàn; TS Phạm Xuân Hậu; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Lê Việt Nga; TS. Nguyễn Bích Thủy; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
2	Tái cấu trúc và phát triển các doanh nghiệp ngành kinh doanh thương mại	GS,TS. Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; TS Lục Thu Hường; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; TS Nguyễn Hoá; TS Phạm Xuân Hậu; PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhàn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; TS Trần Văn Trang; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
3	Phát triển các năng lực cốt lõi và khác biệt nhằm tạo lợi thế cạnh tranh bền vững theo tiếp cận chuỗi giá trị của doanh nghiệp	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn, PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan PGS.TS Đàm Gia Mạnh; PGS.TS Nguyễn Văn Thanh; TS Lục Thu Hường; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhàn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; TS Trần Văn Trang; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS An Thị Thanh Nhàn; TS Nguyễn Thông Thái; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T); PGS.TS Joeille

		GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
4	Phát triển các ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong kinh doanh thương mại hiện đại (trong thương mại điện tử và các lĩnh vực kinh doanh thương mại hiện đại, truyền thông marketing, các cơ sở dữ liệu,...)	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (I); PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; TS Lục Thu Hường; PGS.TS An Thị Thanh Nhàn; TS Nguyễn Thông Thái; PGS.TS Hoàng Văn Thành; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhàn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; TS Trần Văn Trang; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS An Thị Thanh Nhàn; TS Nguyễn Thông Thái; TS. Nguyễn Trần Hưng; TS. Trần Hoài Nam; TS. Chữ Bá Quyết; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T); PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
5	Phát triển các loại hình marketing và logistics kinh doanh thương mại	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (T); PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; TS Lục Thu Hường; PGS.TS An Thị Thanh Nhàn; TS Nguyễn Thông Thái; PGS.TS Hoàng Văn Thành; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhàn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; TS Trần Văn Trang; TS. Nguyễn Thu Quỳnh; TS. Lục Thị Thu Hường; TS. Phùng Thị Thủy; PGS.TS Nguyễn Hoàng; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN

6	Chiến lược và chính sách kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp, ngành, địa phương và các vùng	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (I); PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng; TS Nguyễn Thông Thái; TS Chu Thị Thủy; TS Nguyễn Thị Tú; PGS.TS Hoàng Văn Thành; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Đàm Gia Mạnh; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Phan Thế Công; TS Vũ Xuân Dũng; TS Nguyễn Hoá; PGS.TS An Thị Thanh Nhàn; TS Phạm Xuân Hậu; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
7	Nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp dựa trên tri thức trong kinh doanh thương mại	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Vũ Đức Minh; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; TS Nguyễn Văn Chung; TS Chu Thị Thủy; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; TS Nguyễn Hóa; TS Ngô Quang Hiền; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; TS. Trần Thị Hoàng Hà; TS. Phùng Thị Thủy; TS. Lục Thị Thu Hương; TS. Nguyễn Thu Quỳnh; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN

2.4.1.3. Chuyên ngành Quản lý kinh tế

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Nghiên cứu quản lý kinh tế doanh nghiệp: Những vấn đề về cải cách doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, quản lý nhà nước về phát triển doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá, tái cấu trúc doanh nghiệp, M&A, tập đoàn kinh tế...	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Bùi Xuân Nhàn; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Phan Thế Công; TS Phạm Xuân Hậu; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Nguyễn Văn Lịch; PGS.TS Trần Đình Thiên; PGS.TS Lê Xuân Bá; TS Lưu Đức Hải; PGS.TS Lê Trịnh Minh Châu; TS. Trần Thị Hoàng Hà; GS.TS Herve Boismery; GS.TS Line BERGERY

2	Nghiên cứu phát triển thương mại hàng hoá và dịch vụ hiện đại, phát triển cơ sở hạ tầng thương mại; Chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách đối với phát triển các ngành, các thị trường sản phẩm và dịch vụ mới; Nghiên cứu về thương mại và thị trường khu vực nông thôn, miền núi; Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập; Vấn đề phát triển bền vững kinh tế, thương mại, du lịch, hỗ trợ kinh doanh....	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Đinh Văn Sơn, PGS.TS Bùi Xuân Nhân; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; TS Thân Danh Phúc; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Nguyễn Văn Thanh; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Đinh Văn Thành; TS Trần Kim Hào; PGS.TS Hoàng Thọ Xuân; PGS.TS Phan Thế Công; TS Phùng Thị Thủy; PGS.TS Bùi Hữu Đức; TS Võ Tá Tri; GS.TS Herve Boismery; GS.TS Line BERGERY;
3	Nghiên cứu các phương thức, loại hình kinh tế thương mại, các hoạt động đầu tư và sở hữu trí tuệ ở Việt Nam (phát triển khu, cụm công nghiệp và thương mại các hoạt động đầu tư trong các khu, cụm công nghiệp; phát triển thị trường đầu vào, đầu ra trong các khu công nghiệp); xây dựng và phát triển các tài sản thương hiệu và nhượng quyền thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp, địa phương và quốc gia; các sở giao dịch hàng hoá kì hạn, các trung tâm giao dịch chứng khoán, vàng, kinh doanh tiền tệ; thương mại bất động sản...	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Đinh Văn Sơn; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Văn Thanh; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; TS Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS Phùng Việt Hà; TS Phạm Tuấn Anh; TS Nguyễn Thanh Phương; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Hoàng Thọ Xuân; PGS.TS Lê Trịnh Minh Châu; GS.TS Herve Boismery; GS.TS Line BERGERY
4	Nghiên cứu và triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII với việc tiếp tục đổi mới phương thức, nội dung quản lý Nhà nước về thị trường, thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ của quốc gia, vùng, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực cho nền kinh tế, cho ngành đáp ứng mục tiêu CNH, HĐH, yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; TS Thân Danh Phúc; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Lê Xuân Bá; PGS.TSKH Nguyễn Bích Đạt; PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Phan Thế Công;

5	Nghiên cứu về quản lý kinh tế, quản lý tài chính, thống kê và phân tích hoạt động kinh tế... của doanh nghiệp có quy mô lớn đại diện cho một lĩnh vực kinh tế do Nhà nước sử dụng để điều tiết, bình ổn thị trường và nền kinh tế, hoặc nhóm các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực, các ngành, các thành phần kinh tế.	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Trần Hùng; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; TS Thân Danh Phúc; PGS.TS Nguyễn Doãn Thị Liễu; PGS.TS Lê Xuân Bá; PGS.TS KH Nguyễn Bích Đạt; PGS.TS Phạm Thị Tuệ; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Đỗ Thị Ngọc; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Hà Văn Sự; PGS.TS Phan Thế Công; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Nguyễn Quang Hùng; GS.TS Herve Boismery; GS.TS Line BERGERY
---	--	---

2.4.1.4. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Các mô hình quản trị kinh doanh hiện đại, quản trị công ty hiện đại (quản trị tinh giản, quản trị thực hành trách nhiệm xã hội, quản trị theo mục tiêu, quản trị 3D...); các kỹ thuật và công cụ quản trị hiện đại, kiểm soát doanh nghiệp (corporate governance)...	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hường; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
2	Các vấn đề về quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị tác nghiệp (sản xuất, bán hàng, mua hàng, dịch vụ khách hàng...), quản trị rủi ro, quản trị dự án, quản trị sự thay đổi, quản trị xung đột, quản trị logistic, quản trị chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, quản trị tri thức, quản trị công nghệ... của các	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Bùi Xuân Nhân; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hường; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú;

	loại hình doanh nghiệp	PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Nguyễn Thị Liên; TS Trần Thị Hoàng Hà; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; TS Trần Thị Bích Hằng; PGS.TS Trần Kiều Trang; TS. Lê Tiến Đạt; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
3	Các vấn đề về nhân lực và quản trị nhân lực trong doanh nghiệp: phát triển nhân lực; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực nhà quản trị, năng lực đội ngũ; thu hút, bố trí và sử dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, đánh giá và đãi ngộ nhân lực, tạo động lực làm việc... của các loại hình doanh nghiệp.	GS.TS Phạm Vũ Luận; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hường; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Nguyễn Thị Liên; TS Trần Thị Hoàng Hà; TS. Lê Tiến Đạt; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
4	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố đến kết quả, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Các chiến lược và chính sách kinh doanh của doanh nghiệp. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hường; TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Nguyễn Thị Liên; TS Trần Thị Hoàng Hà; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; TS. Nguyễn Thu Quỳnh; TS. Đỗ Thị Bình; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
5	Các giá trị cốt lõi và quản trị các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp: thương hiệu và quản trị thương hiệu, nhân tài và quản trị nhân tài, quản trị năng lực cốt lõi (đổi mới sáng tạo, tầm nhìn chiến lược; quản trị thời gian; văn hóa doanh nghiệp; trách nhiệm xã	GS.TS Phạm Vũ Luận; GS.TS Nguyễn Bách Khoa; PGS.TS Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS Nguyễn Thị Bích Loan; PGS.TS Phạm Công Đoàn; PGS.TS Nguyễn Văn Minh (khoa I), PGS.TS Doãn Kế Bôn; PGS.TS Nguyễn Quốc Thịnh; PGS.TS Bùi Hữu Đức; PGS.TS Nguyễn Thị Nguyên Hồng; PGS.TS Phan Thị Thu Hoài; PGS.TS Phạm Thuý Hồng; PGS.TS An Thị Thanh Nhân; PGS.TS Nguyễn Văn Minh; PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân; TS Chu

	hội và đạo đức kinh doanh ...). Các vấn đề đổi mới và tái cấu trúc doanh nghiệp.	Thị Thủy; TS Lục Thị Thu Hường; PGS.TS Cao Tuấn Khanh; TS Nguyễn Thị Tú; TS Trần Văn Trang, PGS.TS Nguyễn Viết Thái; PGS.TS Mai Thanh Lan; TS Nguyễn Thị Liên; TS Trần Thị Hoàng Hà; PGS.TS Nguyễn Đức Nhuận; PGS.TS Trần Kiều Trang; PGS.TS Joeille GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
--	--	--

2.4.1.5. Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

TT	Hướng nghiên cứu	Người hướng dẫn khoa học
1	Về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp - Cấu trúc vốn, chi phí vốn và đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp theo nhóm ngành - Quản trị hoạt động đầu tư của doanh nghiệp - Quản trị tài sản của doanh nghiệp - Dự báo tài chính doanh nghiệp - Giám sát tài chính doanh nghiệp - Quản trị tài chính doanh nghiệp và các tổ chức tài chính phi ngân hàng	GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS. Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; TS Nguyễn Thanh Huyền ; TS Phùng Việt Hà; TS Nguyễn Thanh Phương ; PGS.TS Nguyễn Đăng Nam; PGS.TS Nguyễn Thị Bất; PGS. TS Vũ Duy Hào; PGS.TS Dương Đăng Chinh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; GS.TS Herve Boismery; GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN
2	Về ngân hàng thương mại và quản trị NHTM - Quản trị tài sản của NHTM - Quản trị nợ của NHTM - Quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của NHTM (rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá, rủi ro hoạt động,...) - Cơ chế điều hành giám sát hoạt động NHTM	GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS. Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; TS Nguyễn Thanh Phương; TS Phùng Việt Hà; TS Nguyễn Thanh Huyền; PGS.TS Nguyễn Thị Mùi; TS Nguyễn Thị Thanh Hương; PGS.TS Phan Thị Thu Hà; PGS.TS Nguyễn Trọng Tài; TS Nguyễn Thị Hải Hà; PGS.TS Nguyễn Đức Trung; PGS.TS Đào Minh Phúc; TS Phí Trọng Hiền; GS.TS Herve Boismery
3	Về thị trường tài chính - Các vấn đề về thị trường chứng khoán Việt Nam: hàng hóa, các tổ chức kinh doanh, môi trường pháp lý và quản lý nhà nước - Phát triển dịch vụ của các tổ chức kinh doanh trên thị trường tài chính (NHTM, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính...) - Hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát hoạt động của thị trường tài chính (thị trường tín dụng, TTCK, thị trường bảo hiểm...) - Phát triển thị trường tài chính phái	GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS. Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; TS Phùng Việt Hà; TS Nguyễn Thanh Phương; PGS.TS Nguyễn Thị Mùi; TS Nguyễn Thị Thanh Hương; PGS.TS Phan Thị Thu Hà; TS Đào Lê Minh; TSKH Nguyễn Thành Long; PGS.TS Lê Hoàng Nga; PGS.TS Trần Đăng Khâm; TS Nguyễn Thị Hải Hà; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; PGS.TS Nguyễn Đức Trung; PGS.TS Đào Minh Phúc; TS Phí Trọng Hiền; GS.TS Herve Boismery; GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN

	sinh - Các vấn đề về tài chính vi mô tại Việt Nam	
+	Về quản lý tài chính công - Nghiên cứu các vấn đề về quản lý thuế, hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam - Nghiên cứu các vấn đề về thu nhập, chi tiêu công, quản lý NSNN, quản lý nợ công, quản lý tài sản công... - Quản lý tài chính trong các đơn vị sự nghiệp	GS.TS Đinh Văn Sơn; PGS.TS Nguyễn Thị Phương Liên; PGS.TS Lê Thị Kim Nhung; TS. Vũ Xuân Dũng; PGS.TS Nguyễn Thu Thủy; TS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; TS Nguyễn Thanh Huyền; TS Nguyễn Thị Hải Hà; PGS.TS Dương Đăng Chinh; PGS.TS Nguyễn Văn Hiệu; TS Nguyễn Thanh Phương; GS.TS Herve Boismery; GAZERIAN; GS.TS Line BERGERY; GS.TS Eric BOUTIN

2.4.2. Các đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ đang triển khai

T T	Tên đề tài	Cơ quan chủ quản	Cơ quan chủ trì	Thời hạn thực hiện
1	Phát triển bền vững xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại	Bộ KH&CN	Trường Đại học Thương mại	3/2020-2/2022
2	Tác động của ứng dụng đổi mới sáng tạo đến lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp trẻ Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021
3	Giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành điện tử	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021
4	Nghiên cứu các lợi ích kinh tế- xã hội của triển khai tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021
5	Nghiên cứu mô hình ứng dụng dữ liệu lớn (Big data) về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ công tác dự báo kinh tế vĩ mô Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021
6	Nghiên cứu ảnh hưởng của truyền thông tới quyết định mua hàng ở	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2021

	chuỗi các cửa hàng bán lẻ Việt Nam		mại	
7	Đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới đất liền Việt nam- Trung quốc	Bộ Công thương	Trường Đại học Thương mại	1/2020-12/2020
8	Chuỗi cung ứng sản phẩm cà phê xuất khẩu của tỉnh Gia Lai: Thực trạng và giải pháp	Tỉnh Gia Lai	Trường Đại học Thương mại	3/2020-9/2021

2.4.3. Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu của nghiên cứu sinh

2.4.3.1. Hội thảo khoa học do Trường tổ chức và đồng tổ chức

TT	Cấp độ hội thảo	Số lần tổ chức hội thảo trong năm
1	Hội thảo khoa học quốc gia	9
2	Hội thảo khoa học quốc tế do Trường Đại học Thương mại đồng tổ chức tại Việt Nam	4
3	Hội thảo khoa học quốc tế do Trường Đại học Thương mại đồng tổ chức tại nước ngoài	
4	Hội thảo khoa học cấp trường	1-2
5	Hội thảo khoa học cấp khoa	10-15

2.4.3.2. Danh mục tạp chí khoa học do Trường xuất bản

TT	Tên tạp chí	Thể loại xuất bản (in/điện tử/cả in và điện tử)	Năm bắt đầu phát hành	Số kỳ xuất bản/năm	Số điểm tối đa được tính bởi HECDSNN	ISSN
1	Khoa học Thương mại	in	2002	12	1,0	1859-3666
2	Trade Science Review	in	2012	3	1,0	1859-3666

2.4.3.3. Tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học

Đề tài KH&CN cấp Quốc gia: Trong năm học 2019-2020, Trường đã tham gia tuyển chọn đề tài nghiên cứu khoa học độc lập cấp Quốc gia “Phát triển bền vững xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam trong bối cảnh bảo hộ thương mại”, mã số ĐTDLXH.02/20, (GS.TS Đinh Văn Sơn chủ nhiệm). Đề tài đang diễn khai theo đúng tiến độ đề ra.

Đề tài KH&CN cấp Bộ và tương đương: Năm 2020, do cơ chế phân bổ số lượng đề tài của Bộ Giáo dục và Đào tạo thay đổi, Trường Đại học Thương mại đã được phê duyệt 05 đề tài cấp Bộ. Trường Đại học Thương mại cũng là đơn vị chủ trì của 01 đề tài Bộ Công Thương “Đề xuất giải pháp phát triển dịch vụ logistics nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới đất liền Việt nam- Trung quốc” (PGS,TS. Nguyễn Hoàng chủ nhiệm) và 01 đề tài cấp tỉnh Gia Lai: “Chuỗi cung ứng sản phẩm cà phê xuất khẩu của tỉnh Gia Lai: Thực trạng và giải pháp” (TS. Nguyễn Duy Đạt chủ nhiệm). Năm học 2020-2021, Trường đã thực hiện đề xuất và được tuyển chọn 05 đề tài NCKH cấp Bộ

GD&ĐT.

Đề tài KH&CN và dự án R&D cấp trường: đã nghiệm thu 42 đề tài KH&CN cấp trường của năm học 2019-2020 (100% đúng tiến độ quy định) và tổ chức đánh giá và tuyển chọn 65 đề tài KH&CN cấp trường triển khai trong năm học 2020-2021. Đối với dự án R&D, đã tổ chức nghiệm thu 07 dự án R&D trong năm học 2019-2020 và phê duyệt 04 dự án mới trong năm học 2020-2021, các dự án đang triển khai theo đúng tiến độ.

Trong quá trình học tập tại Trường, nghiên cứu sinh được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các đề tài nghiên cứu phù hợp với chuyên môn hoặc hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

2.5. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian: tháng 3 và tháng 9 hàng năm

Số lần tuyển sinh/năm: 2

2.6. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: Bằng mức lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo, hoặc theo mức lệ phí đảm bảo tính đủ chi phí.

Học phí: Năm học 2020-2021, học phí đối với NCS là 39.375.000 đồng/1 năm; mức tăng học phí từng năm không quá 10% so với năm học trước liền kề.

Chính sách khuyến khích học tập: Nghiên cứu sinh có thành tích tốt trong học tập và nghiên cứu khoa học, hoàn thành luận án trước hoặc đúng hạn được Nhà trường xem xét khen thưởng. Mức chi khen thưởng theo quy chế tài chính nội bộ của Trường.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 83.700m²

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo nghiên cứu khoa học: 36.528 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 1.870 chỗ

3.1.2. Các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
2	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
3	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
4	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
5	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
6	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ

7	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
8	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
9	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
10	Phòng máy tính	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
11	Phòng máy tính có phần mềm thực hành thương mại điện tử	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
12	Phòng máy tính có phần mềm thực hành thương mại điện tử	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
13	Phòng đọc đa phương tiện (Multimedia)	30 máy tính, 30 bộ bàn ghế, 01 máy chủ, 01 lưu điện, 02 điều hòa nhiệt độ
14	Phòng đọc sau đại học	300 đầu sách, báo, tạp chí tiếng Việt và tiếng nước ngoài, 50 bộ bàn ghế, 02 điều hòa nhiệt độ
15	Phòng thực hành thị trường chứng khoán ảo	35 máy tính, 37 bộ bàn ghế, 02 máy chủ, 1 projector, 03 điều hòa nhiệt độ

3.1.3. Phòng học, phòng bảo vệ luận văn, luận án

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	5
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	44
3	Phòng học 50 - 100 chỗ	72
4	Phòng học dưới 50 chỗ	10
5	Phòng bảo vệ luận văn, luận án	10

3.1.4. Học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

3.1.4.1. Tài liệu truyền thống (dạng in)

Nhóm ngành	Số lượng
Nhóm ngành III	7969

3.1.4.2. Ebook và cơ sở dữ liệu điện tử

a). Tài liệu điện tử: CSDL trên CD ROM: có 4 CSDL: Bussiness periodicals on disk, Business and Management Practies, Ecolit, Dissertation Abtracts bao gồm 1570 đĩa.

b). Quyền truy cập và sử dụng Ebook của NXB Igpublish: 75 tên

c). Quyền truy cập và sử dụng 4 CSDL của cục thông tin KH&CN QG:

STD - Tài liệu KH&CN Việt Nam STD là cơ sở dữ liệu toàn văn về tài liệu KH&CN Việt Nam, do Cục Thông tin KH&CN Quốc gia xây dựng và cập nhật từ năm 1987. Hiện tại có gần 150.000 biểu ghi, trong đó 85.000 biểu ghi có đính kèm tài liệu gốc định dạng tệp PDF.

KQNC - Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu KQNC là cơ sở dữ liệu thư mục lớn nhất Việt Nam về các báo cáo kết quả của các đề tài nghiên cứu KH&CN các cấp đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. CSDL bao gồm hơn 11.000 mô tả thư mục và tóm tắt.

Proquest Central Proquest Central là bộ cơ sở dữ liệu lớn bao gồm 25 cơ sở dữ liệu đa ngành, xử lý trên 19.000 tạp chí, trong đó hơn 13.000 tạp chí toàn văn. Dữ liệu của Proquest Central bao quát trên 160 lĩnh vực chủ đề khác nhau thuộc các ngành khoa học nông cốt như: Kinh tế - kinh doanh, Y học, Công nghệ, Khoa học xã hội...

CSDL Credo Reference Credo Reference là CSDL tra cứu, tham khảo trực tuyến đa ngành, đa lĩnh vực cho phép truy cập tới hơn 500 bộ dữ liệu toàn văn từ hơn 80 nhà xuất bản, trên 3 triệu đầu mục dữ liệu; 200.000 tệp âm thanh số hóa; 40.000 tranh ảnh nghệ thuật, khoa học, y học; và 90.000 tập bản đồ về các địa danh, đặc điểm địa lý trên thế giới.

d). Quyền truy cập và sử dụng CSDL Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

- 3.500 giáo trình và sách tham khảo của Nhà xuất bản ĐHQGHN
- 20.000 luận án, luận văn.
- 1.000 Tài liệu thông tin địa chất và tài nguyên địa chất Việt Nam
- 1.200 đề tài cấp nhà nước và cấp ĐHQGHN
- 10.000 thư tịch cổ Hán Nôm
- 5.000 bài báo kỷ yếu hội thảo khoa học.

3.1.4.3. Báo, tạp chí, đề tài nghiên cứu khoa học

- Báo, tạp chí tiếng Việt: 50 loại
- Báo, tạp chí tiếng nước ngoài: 30 loại
- Đề tài nghiên cứu khoa học: 722 cuốn

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên

TT	Họ và Tên (Nhóm ngành III)	Chức danh KH		Học vị		Chuyên ngành
		PGS	GS	TS	TSKH	
1	Đinh Văn Sơn		GS	TS		
2	Nguyễn Bách Khoa		GS	TS		
3	Phạm Vũ Luận		GS	TS		
4	Bùi Xuân Nhân	PGS		TS		
5	Đỗ Minh Thành	PGS		TS		
6	Nguyễn Hoàng Long	PGS		TS		
7	Nguyễn Thị Bích Loan	PGS		TS		

8	Bùi Hữu Đức	PGS		TS		
9	Trần Hùng	PGS		TS		
10	Nguyễn Thị Nguyên Hồng	PGS		TS		
11	Phan Thị Thu Hoài	PGS		TS		
12	Nguyễn Tiến Dũng	PGS		TS		
13	Phạm Thuý Hồng	PGS		TS		
14	An Thị Thanh Nhân	PGS		TS		
15	Đỗ Thị Ngọc	PGS		TS		
16	Nguyễn Quốc Thịnh	PGS		TS		
17	Nguyễn Phú Giang	PGS		TS		
18	Trần Thị Hồng Mai	PGS		TS		
19	Phạm Đức Hiếu	PGS		TS		
20	Đoàn Vân Anh	PGS		TS		
21	Vũ Mạnh Chiến	PGS		TS		
22	Doãn Kế Bôn	PGS		TS		
23	Trần Thị Thu Phương	PGS		TS		
24	Lê Thị Kim Nhung	PGS		TS		
25	Nguyễn Hoàng	PGS		TS		
26	Nguyễn Văn Minh	PGS		TS		
27	Nguyễn Thị Minh Nhân	PGS		TS		
28	Mai Thanh Lan	PGS		TS		
29	Phạm Công Đoàn	PGS		TS		
30	Nguyễn Thị Phương Liên	PGS		TS		
31	Nguyễn Quang Hùng	PGS		TS		
32	Nguyễn Văn Minh	PGS		TS		
33	Phạm Thị Thu Thủy	PGS		TS		
34	Lê Thị Thanh Hải	PGS		TS		
35	Nguyễn Viết Thái	PGS		TS		
36	Nguyễn Hoàng Việt	PGS		TS		
37	Hoàng Văn Thành	PGS		TS		
38	Đàm Gia Mạnh	PGS		TS		
39	Nguyễn Thị Thu Thủy			TS		
40	Nguyễn Thị Thùy Anh			TS		
41	Chữ Bá Quyết			TS		
42	Đinh Thị Thanh Nhân			TS		
43	Đỗ Thị Bình			TS		
44	Hà Thị Thúy Vân	PGS		TS		
45	Hoàng Thị Lan			TS		

46	Lê Tiến Đạt			TS		
47	Lê Thị Việt Nga			TS		
48	Nguyễn Bích Thủy			TS		
49	Nguyễn Thanh Hải			TS		
50	Nguyễn Thanh Huyền			TS		
51	Nguyễn Thanh Phương			TS		
52	Nguyễn Thị Hồng Lam			TS		
53	Nguyễn Thị Liên			TS		
54	Nguyễn Thị Tình			TS		
55	Nguyễn Thị Thanh Nhân			TS		
56	Nguyễn Thị Thanh Phương			TS		
57	Nguyễn Thu Quỳnh			TS		
58	Nguyễn Trần Hưng			TS		
59	Tạ Quang Bình			TS		
60	Trần Hải Long			TS		
61	Trần Hoài Nam			TS		
62	Trần Kiều Trang	PGS		TS		
63	Trần Ngọc Trang			TS		
64	Trần Thị Hoàng Hà			TS		
65	Trần Văn Trang			TS		
66	Cao Tuấn Khanh	PGS		TS		
67	Chu Thị Thủy			TS		
68	Đặng Văn Lương			TS		
69	Lục Thị Thu Hường			TS		
70	Nguyễn Đức Nhuận	PGS		TS		
71	Nguyễn Hóa			TS		
72	Nguyễn Tuấn Duy			TS		
73	Nguyễn Thị Minh Hạnh			TS		
74	Nguyễn Thị Tú			TS		
75	Nguyễn Thu Thủy	PGS		TS		
76	Nguyễn Việt Tiến			TS		
77	Phạm Tuấn Anh			TS		
78	Phùng Thị Thủy			TS		
79	Phùng Việt Hà			TS		
80	Trần Thành Thọ			TS		
81	Trần Thị Bích Hằng			TS		
82	Vũ Xuân Dũng			TS		
83	Phạm Minh Đạt			TS		

84	Nguyễn Thị Minh Thảo			TS		
85	Nguyễn Văn Giao			TS		
86	Hà Văn Sự	PGS		TS		
87	Phạm Thị Tuệ	PGS		TS		
88	Nguyễn Khắc Nghĩa			TS		
89	Nguyễn Thị Thu Hiền			TS		
90	Phạm Thị Minh Uyên			TS		
91	Trần Việt Thảo			TS		
92	Phan Thế Công	PGS		TS		
93	Thân Danh Phúc			TS		
94	Lê Mai Trang			TS		
95	Nguyễn Bá Minh	PGS		TS		
96	Nguyễn Sinh Bảy	PGS		TS		
97	Phương Kỳ Sơn	PGS		TS		
98	Đặng Minh Tiến			TS		
99	Nguyễn Thị Thu Trang			TS		
100	Phan Thanh Tùng			TS		
101	Tạ Thị Vân Hà			TS		
102	Vũ Văn Hùng			TS		
103	Bùi Hồng Vạn			TS		
104	Võ Tá Tri			TS		
106	Trần Nguyễn Bích Hiền			TS		
107	Vũ Ngọc Diệp			TS		
108	Đinh Thị Thanh Thủy			TS		
109	Đinh Thị Cúc			TS		
110	Nguyễn Thị Minh Giang			TS		
111	Đỗ Phương Thảo			TS		
112	Phạm Thanh Hương			TS		
113	Đặng Thị Minh Nguyệt			TS		
114	Nguyễn Duy Đạt			TS		
115	Hoàng Thị Bích Ngọc			TS		
116	Nguyễn Thành Hưng			TS		
117	Lại Thị Thu Thủy			TS		
118	Tô Ngọc Thịnh			TS		

3.3. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục Đại học;
- Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có

chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo bằng tiếng nước ngoài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Nhà trường.

Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường.

3.4. Kiểm định chất lượng

Công tác KĐCL các CTĐT được thực hiện theo đúng kế hoạch. 05 CTĐT (ngành Marketing; Kế toán (chính quy và chất lượng cao); Tài chính – Ngân hàng (chính quy và chất lượng cao) đã hoàn thành các báo cáo tự đánh giá. Đoàn đánh giá ngoài đã tiến hành khảo sát chính thức tại Trường từ ngày 11/2/2020 đến 15/2/2020. Kết thúc đợt đánh giá, Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQGHN ban hành Quyết định số 150/QĐ-KĐCL về việc cấp Giấy chứng nhận 05 CTĐT của Trường Đại học Thương mại đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục với kết quả như sau: Chương trình đào tạo đại học chính quy ngành Marketing có tổng số 44/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”, chiếm tỉ lệ 88%; Ngành Kế toán có tổng số 45/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”; chiếm tỉ lệ 90%; Ngành Kế toán có tổng số 45/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”; chiếm tỉ lệ 90%; Ngành Tài chính – Ngân hàng có tổng số 44/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”; chiếm tỉ lệ 88%; Ngành Tài chính – Ngân hàng có tổng số 45/50 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đạt”; chiếm tỉ lệ 90%. Kết quả này một mặt góp phần củng cố và nâng cao uy tín của Trường đối với người học và xã hội; mặt khác là ghi nhận sự nỗ lực, vươn lên, kiên trì cho mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo của toàn thể CCVC trong Nhà trường.

Ngoài ra, để nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng, Trường đã cử cán bộ tham gia tập huấn nâng cao năng lực quản trị đại học do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia HN tổ chức vào 1/2019; Tham gia Hội thảo tự đánh giá và đánh giá ngoài tổ chức tại Đại học Điện lực vào 4/2019; Tham gia tập huấn

thiết kế chuẩn đầu ra chương trình đào tạo tổ chức tạo Đà Nẵng vào 5/2019. Tham gia tập huấn khảo sát mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công năm 2019. Tham gia tập huấn thực hành xây dựng và tự đánh giá CTĐT phục vụ kiểm định chất lượng giáo dục năm 6/2020; Tổ chức tập huấn cho cán bộ trong Trường về công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kiểm định chất lượng Trường, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiến sĩ, trong những năm gần đây, Trường Đại học Thương mại đã chủ động hợp tác với các trường đại học nước ngoài thuộc các quốc gia và vùng lãnh thổ (Cộng hòa Pháp, Canada, Áo, Đức, Hàn Quốc, Đài Loan, ...) trong việc tổ chức hội thảo khoa học, trao đổi học thuật, chuyên môn và giảng viên. Trường đã ký hợp đồng với nhiều giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh cùng với giảng viên của Trường; đã và sẽ tiếp tục cử giảng viên của Trường sang các Trường đối tác ở nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm về xây dựng, tổ chức quản lý đào tạo sau đại học, học tập, trao đổi kiến thức chuyên môn, trau dồi kỹ năng ngoại ngữ...

Ngoài ra, Trường đã đầu tư và sử dụng công cụ công nghệ thông tin (phần mềm turnitin) để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho hội đồng đánh giá luận án cấp trường để hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Hoàng

